TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 26/5/2020
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Hà
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Liệu.
2. Bà Trương Thị Lệ Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 619/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2020/QĐST-HNGĐ ngày 05/5/2020 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm: 1996.
HKTT: Ấp Đồn Điền 2, xã Túc Trưng, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.
Địa chỉ liên lạc: Số 119/1A, phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

2.Bị đơn: Anh Nguyễn L1, sinh năm: 1988.
HKTT: Ấp Đồn Điền 2, xã Túc Trưng, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai. (Chị L và anh L1 đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***- Theo đơn khởi kiện ngày 20/11/2019 nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày*:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Linh tự nguyện kết hôn năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ngọc Tố, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/5/2016. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Linh không lo cho vợ con. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống tại nhà trọ ở địa chỉ 119/1A, phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh nhưng từ năm 2019 đến nay thì anh Linh bỏ về quê ở xã Túc Trưng, huyện Đ sống ly thân với chị.

Nay chị nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng, không thể hàn gắn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Linh.

- Về con chung: Chị và anh Linh có 01 con chung tên là Nguyễn Quang Vinh, sinh ngày 01/7/2018. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Linh cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Chị L đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị do có con nhỏ, ở xa, điều kiện đi lại theo triệu tập của Tòa án gặp nhiều khó khăn.

Đối với bị đơn anh Nguyễn L1: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm việc, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Nguyễn L1 đều vắng mặt không có lý do, cũng không nộp văn bản nêu ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị L.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định tại điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện, tư cách đương sự: Tòa án xác định đúng theo quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Cuộc sống vợ chồng chị L và anh Linh đã mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm với nhau, khả năng đoàn tụ không có và đã sống ly thân, nên yêu cầu xin ly hôn của chị L là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị L được ly hôn với anh Nguyễn L1.

Về con chung: Con chung đang sống cùng chị L, dưới 36 tháng tuổi, anh Linh không đến Tòa án làm việc để có ý kiến về việc nôi con, đề nghị giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn.

Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung được đảm bảo thực hiện theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn L1 đã được triệu tập tham gia phiên tòa

hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Nguyễn L1 cư trú tại ấp Đồn Điền 2, xã Túc Trưng, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của của Tòa án nhân dân huyện Đ theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn, yêu cầu giải quyết việc nuôi con nên quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về luật áp dụng: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn L1 đăng ký kết hôn năm 2016 nên áp dụng luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[5] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn L1 tự nguyện kết hôn, hôn nhân không vi phạm điều cấm của pháp luật và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ngọc Tố, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/5/2016 nên được công nhận hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị L: Chị L xin ly hôn với lý do vợ chồng mâu thuẫn trong quan điểm sống, anh Linh không lo cho gia đình, vợ chồng đã ly thân trên 01 năm và hiện nay chị không còn tình cảm với anh Nguyễn L1. Qua xác minh tại địa phương thể hiện: Cuộc sống vợ chồng giữa chị Linh và anh Nguyễn L1 đã xảy ra mâu thuẫn, không thể hàn gắn do anh Linh không muốn vợ chồng đoàn tụ, giữa chị Linh và anh Nguyễn L1 đã chấm dứt đời sống chung của vợ chồng. Xét thấy, Điều của 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định "1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau, trừ trường hợp khác…". Tuy nhiên, chị Linh và anh Nguyễn L1 không còn sống chung với nhau, không quan tâm, chăm sóc, không thực hiện quyền nghĩa vụ chung của vợ chồng nên có đủ cơ sở khẳng định vợ chồng chị Linh và anh Nguyễn L1 thật sự mâu thuẫn, không có khả năng đoàn tụ (bút lục 35). Tòa án đã nhiều lần mời anh Linh để hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh Linh không đến, điều đó cho thấy anh Linh không còn mong muốn hàn gắn, đoàn tụ. Vì vậy, chị Nguyễn Thị L xin ly hôn với anh Nguyễn L1 là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 51, 52, 53, 54 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

Về con chung: Chị Linh và anh Nguyễn L1 có một 01 con chung tên là Nguyễn Quang Vinh, sinh ngày 01/7/2018, hiện đang do chị L nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu Vinh chưa đủ 36 tháng tuổi, được chị L chăm sóc tốt, cháu Vinh phát triển bình thường về thể chất và tinh thần. Chị L có công việc và thu nhập ổn định. Anh Nguyễn L1 không đến Tòa án làm việc để có ý kiến về việc nuôi con. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung và theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao cháu Vinh cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời anh Nguyễn L1 không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chị Nguyễn Thị L chưa yêu cầu.

Vì quyền lợi của con chung, anh Nguyễn L1 có quyền thăm, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Anh Nguyễn L1, chị Nguyễn Thị L có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Xét quan điểm và đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và có căn cứ nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ tiền án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 68, Điều 147, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 53, 54, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L. Chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Nguyễn L1.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quang Vinh, sinh ngày 01/7/2018 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời anh Nguyễn L1 không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Nguyễn L1 có quyền thăm, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, chị Nguyễn Thị L và Nguyễn L1 có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị Linh đã nộp theo biên lai số 0002756 ngày 18/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ được chuyển thành tiền án phí. Chị Linh đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn L1 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã Ngọc Tố;
- Lưu.

Phan Thanh Hà

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Phan Thanh Hà